

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng thuộc hộ kinh doanh Lương Tuấn Thành 5B PCT

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mã hồ sơ: H24.18-260422-180010) ;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 18/05/2026 và biên bản báo cáo khắc phục ngày 10/06/2026 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 1579/QĐ-SYT ngày 24/04/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y được

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng thuộc hộ kinh doanh Lương Tuấn Thành 5B PCT;

- Địa chỉ: Số 5B Phan Chu Trinh, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Phòng khám chuyên khoa.

- Số GPXH: 001718/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Lương Tuấn Thành

Số CCHN: 000646/HP - CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 04/09/2012;

- Thời gian hoạt động: Từ 17 giờ 30 đến 20 giờ 30 từ thứ 2 đến thứ 6; Sáng từ 08 giờ đến 11 giờ, chiều từ 14 giờ đến 20 giờ 30 thứ 7, Chủ nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 21 danh mục kỹ thuật (tại phụ lục 01 thực hiện đến ngày 30/06/2026) và 20 danh mục kỹ thuật (tại phụ lục 2 thực hiện từ ngày 01/07/2026) theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng thuộc hộ kinh doanh Lương Tuấn Thành 5B PCT có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng thuộc hộ kinh doanh Lương Tuấn Thành 5B PCT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Q.Q.Trinh, PGD N.T.Tr Chính;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).



Lê Minh Quang

PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN (TẠI PHỤ LỤC 01 THÔNG TƯ 23/2023/TT-BYT THỰC HIỆN ĐẾN 30/06/2026)
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG THUỘC
HỘ KINH DOANH LƯƠNG TUẤN THÀNH 5B PCT
(Kèm theo Quyết định số: 2255/QĐ-SYT ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT-BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	13960	15.48	15. TAI MŨI HỌNG	Đặt ống thông khí màng nhĩ
2	13962	15.50	15. TAI MŨI HỌNG	Trích rạch màng nhĩ
3	13966	15.54	15. TAI MŨI HỌNG	Lấy dị vật tai
4	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai
5	13969	15.57	15. TAI MŨI HỌNG	Trích nhọt ống tai ngoài
6	13970	15.58	15. TAI MŨI HỌNG	Làm thuốc tai
7	3302	3.2184	03. NHI KHOA	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản
8	13971	15.59	15. TAI MŨI HỌNG	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
9	14048	15.136	15. TAI MŨI HỌNG	Nội soi sinh thiết u hốc mũi
10	14049	15.137	15. TAI MŨI HỌNG	Nội soi sinh thiết u vòm
11	14051	15.139	15. TAI MŨI HỌNG	Phương pháp Proetz
12	14054	15.142	15. TAI MŨI HỌNG	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu
13	14055	15.143	15. TAI MŨI HỌNG	Lấy dị vật mũi
14	14056	15.144	15. TAI MŨI HỌNG	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
15	14058	15.146	15. TAI MŨI HỌNG	Rút meche, rút merocel hốc mũi
16	14059	15.147	15. TAI MŨI HỌNG	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
17	14124	15.212	15. TAI MŨI HỌNG	Lấy dị vật họng miệng

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	14125	15.213	15. TAI MŨI HỌNG	Lấy dị vật hạ họng
19	14130	15.218	15. TAI MŨI HỌNG	Bơm thuốc thanh quản
20	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
21	16170	20.13	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi tai mũi họng

PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN (TẠI PHỤ LỤC 02 THÔNG TƯ 23/2023/TT-BYT THỰC HIỆN TỪ 01/07/2026)
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG THUỘC
HỘ KINH DOANH LƯƠNG TUẤN THÀNH 5B PCT
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

ST T	STT (cột 1)	STT của chương (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Mã liên kết (cột 4)2	Tên kỹ thuật (cột 5)
1	3162	47	10. Tai	15.48	Đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên
2	3165	50	10. Tai	3.2121; 15.50	Chích rạch màng nhĩ
3	3169	54	10. Tai	15.54; 3.2117	Lấy dị vật tai
4	3171	56	10. Tai	15.56	Chọc hút dịch vành tai
5	3172	57	10. Tai	15.57; 3.2119	Chích nhọt ống tai ngoài
6	3175	60	10. Tai	3.2120; 15.58; 3.2184	Làm thuốc tai
7	3176	61	10. Tai	15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
8	3280	67	11. Mũi họng miệng	15.136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi
9	3281	68	11. Mũi họng miệng	15.137	Nội soi sinh thiết u vòm
10	3284	71	11. Mũi họng miệng	15.139	Hút rửa rửa mũi xoang theo phương pháp Proetz
11	3287	74	11. Mũi họng miệng	15.142; 3.3993	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu
12	3288	75	11. Mũi họng miệng	15.143	Lấy dị vật mũi
13	3289	76	11. Mũi họng miệng	15.144	Nội soi lấy dị vật mũi
14	3291	78	11. Mũi họng miệng	15.146	Rút vật liệu cầm máu hốc mũi
15	3292	79	11. Mũi họng miệng	15.147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ
16	3334	121	11. Mũi họng miệng	15.212; 3.2190	Lấy dị vật họng miệng
17	3335	122	11. Mũi họng miệng	15.213; 3.2178	Lấy dị vật hạ họng

18	3338	125	11. Mũi họng miệng	3.2186; 15.218	Bơm thuốc thanh quản
19	3339	126	11. Mũi họng miệng	3.2191; 15.222	Khí dung mũi họng
20	3454	241	11. Mũi họng miệng	15.232	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán